

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23/4/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 245/2024/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà **Dương Thị B**, sinh năm 1942

Địa chỉ: **ấp H, xã B, huyện O**, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ba: Bà **Phan Thanh T** là Trợ giúp trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà **Dương Thị M**, sinh năm 1965

Địa chỉ: **ấp H, xã B, huyện O**, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Trần Hoàng P, sinh năm 1987

Địa chỉ **ấp T, xã C, huyện O**, tỉnh Vĩnh Long.

Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/3/2023)

- Bị đơn: 1. Ông **Dương Văn Q**, sinh năm 1970

Địa chỉ: **ấp H, xã B, huyện O**, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà **Dương Thị H**, sinh năm 1944.

Địa chỉ: **ấp H, xã B, huyện O**, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hương: Bà **Nguyễn Thị Hồng T** là Trợ giúp trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*

1. Ông **Dương Việt H**, sinh năm 1955

Địa chỉ: **ấp L, xã X, huyện O**, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà **Dương Ngọc P**, sinh năm 1960

Địa chỉ: **ấp T, xã B, huyện O**, tỉnh Vĩnh Long.

3. Ông **Dương Việt T**, sinh năm 1957

Địa chỉ **ấp T, xã X, huyện O**, tỉnh Vĩnh Long

4. Bà **Dương Thị N**, sinh năm 1950

Địa chỉ **ấp T, xã A, huyện L**, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận cho bà **Dương Thị B**, bà **Dương Thị M** được quyền sử dụng đất thửa 124 (thửa cũ 1380), tờ bản đồ số 15 (03) diện tích 7254.7m², loại đất LUC địa chỉ **ấp H, xã B, huyện O**, tỉnh Vĩnh Long. (Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do **Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện O** cung cấp ngày 07/3/2025).

2.2. Công nhận cho bà **Dương Thị B**, bà **Dương Thị H**, bà **Dương Thị M** được quyền sử dụng phần đất và toàn bộ vật kiến trúc, cây trồng trên đất thuộc thửa 205 (tách 981) tờ bản đồ số 7(số 05) diện tích 4266,5m², loại đất ONT+CLN địa chỉ **ấp H, xã B, huyện O**, tỉnh Vĩnh Long để làm di sản thờ cúng. (Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do **Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện O** cung cấp ngày 07/3/2025).

2.3. Công nhận cho ông **Dương Văn Q** được quyền sử dụng đất các thửa đất: Thửa 224 (tách 981), tờ bản đồ số 7 (tờ 03), diện tích 1512.2m², loại đất CLN; Thửa tách 243-1 (tách 1012), tờ bản đồ số 7 (tờ 03), diện tích 868.8m², loại đất CLN; Thửa tách 243-2 (tách 1011), tờ bản đồ số 7(tờ 03), diện tích 1361.6m², loại đất LUC; Thửa tách 264-1 (tách 1011), tờ bản đồ số 7(tờ 03), diện tích 3014.9m², loại đất LUC; Thửa 264-2 (tách 1012), tờ bản đồ số 7(tờ 03), diện tích 807.8m², loại đất CLN. Cùng địa chỉ **ấp H, xã B, huyện O**, tỉnh Vĩnh Long; (Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do **Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện O** cung cấp ngày 07/3/2025).

2.4. Bà **Dương Thị B**, bà **Dương Thị H**, bà **Dương Thị M** và ông **Dương Văn Q** có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc định giá: Tổng số tiền 10.949.000đ (Mười triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Nguyên đơn bà **Dương Thị B**, bà **Dương Thị M** có nghĩa vụ nộp số tiền 7.949.000đ (Bảy triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng), ông **Dương Văn Q** có nghĩa vụ nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nhưng bà **B**, bà **M** và ông **Q** đã nộp tạm ứng nên không phải nộp tiếp.

2.6 Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.6.1. Bà **Dương Thị B**, bà **Dương Thị M** và bà **Dương Thị H** được miễn toàn bộ do thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

2.6.2. Trả lại cho bà **Dương Thị M** số tiền 13.485.000đ (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011443 ngày 01/7/2024 tại **Chi cục thi hành án dân sự huyện O**.

2.6.3. Ông **Dương Văn Q** có nghĩa vụ nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông **Q** đã nộp theo Biên lai thu số 0011913 ngày 04/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự **huyện O**, còn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) trả lại cho ông **Q**.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Nga